

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Chỉ thị số 34/2006/CT-TTg ngày 26 tháng 09 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-TTg ngày 11/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc thiết kế và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 357/TTr - SXD ngày 14 tháng 12 năm 2007 và văn bản số 340/SXD-QLNOCs ngày 12 tháng 3 năm 2008 về việc đề nghị ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà; Thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền, quản lý sử dụng nhà ở công vụ; thủ trưởng các cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ; người được thuê nhà ở công vụ; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *YHL*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, các phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đĩnh Quốc Thái

QUY ĐỊNH

Về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2008/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền, quản lý sử dụng nhà ở công vụ; cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ và người được thuê nhà ở công vụ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhà ở công vụ là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được xây dựng để cho các đối tượng quy định tại Điều 7 của Quy định này thuê trong thời gian đảm nhiệm công tác.

2. Đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ là đơn vị quản lý sử dụng trực tiếp đối với những nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền.

Điều 3. Cơ quan, đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, sử dụng quỹ nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ là các chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở công vụ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

1. Quản lý nhà ở công vụ đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn quy định và theo danh sách do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nhà ở công vụ chỉ được sử dụng dưới hình thức cho thuê để làm chỗ ở cho các đối tượng được thuê theo quy định. Nhà ở công vụ không được chuyển thành tài sản của doanh nghiệp, tổ chức hoặc sở hữu của cá nhân.

3. Việc bố trí cho đối tượng được ở nhà ở công vụ dựa trên cơ sở cân đối nhu cầu của cán bộ công chức và nguồn quỹ nhà ở công vụ của tỉnh.

Chương II

THIẾT KẾ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 5. Yêu cầu chung về thiết kế nhà ở công vụ

1. Nhà ở công vụ phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thuận lợi về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để đảm bảo đáp ứng điều kiện sinh hoạt của các đối tượng ở nhà ở công vụ.

2. Nhà ở công vụ được thiết kế theo tiêu chuẩn diện tích phù hợp với từng loại đối tượng sử dụng, phù hợp với điều kiện về kinh tế - xã hội và điều kiện về đất đai của từng địa phương.

3. Nhà ở công vụ phải đảm bảo chất lượng, an toàn cho người sử dụng và đảm bảo phòng chống cháy nổ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

4. Thiết kế kiến trúc nhà ở công vụ phải hài hòa với cảnh quan, phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực xung quanh. Sử dụng vật liệu phù hợp, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hạ giá thành xây dựng.

5. Nhà ở công vụ được thiết kế theo 2 loại: Đối với các đô thị loại II, III và loại IV chỉ xây dựng nhà chung cư; đối với đô thị loại V và khu vực nông thôn có thể xây dựng nhà chung cư hoặc nhà ở 1 tầng nhiều gian (nhiều căn hộ).

Điều 6. Tiêu chuẩn diện tích thiết kế nhà ở công vụ

1. Đối với nhà chung cư tại khu vực đô thị

Nhà ở công vụ dạng chung cư được thiết kế theo kiểu căn hộ khép kín có diện tích sàn xây dựng như sau:

- Loại căn hộ 3 phòng ngủ, gồm: 3 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 bếp và phòng ăn, 1 - 2 khu vệ sinh. Diện tích sàn xây dựng từ 100 m² - 115m²;

- Loại căn hộ 2 phòng ngủ, gồm: 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 bếp và phòng ăn, 1 - 2 khu vệ sinh. Diện tích sàn xây dựng từ 80 m² - 90m²;

- Loại căn hộ 2 phòng ngủ, gồm: 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 bếp và phòng ăn, 1 khu vệ sinh. Diện tích sàn xây dựng 60 m² - 70 m²;

- Loại căn hộ 1 phòng ngủ, gồm: 1 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 bếp và phòng ăn, 1 khu vệ sinh. Diện tích sàn xây dựng từ 45 m² - 50 m².

2. Đối với nhà ở một tầng (căn hộ) nhiều gian tại khu vực nông thôn

Được thiết kế cho các đối tượng ở độc thân hoặc ở tập thể hoặc hộ gia đình

với diện tích mỗi gian tối đa không quá 45 m² sàn với khu vệ sinh và bếp có thể bố trí chung hoặc riêng (đối với loại căn hộ nhiều gian có diện tích từ 45 m² trở lên)

- Căn hộ loại 1 có diện tích xây dựng từ 50 m² - 60 m² ;
- Căn hộ loại 2 có diện tích xây dựng từ 40 m² - 45 m² ;
- Căn hộ loại 3 có diện tích xây dựng từ 30 m² - 35 m² .

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN ĐƯỢC THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 7. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ

Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được luân chuyển hoặc điều động có thời hạn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền từ trung ương hoặc từ tỉnh khác về công tác tại tỉnh Đồng Nai hoặc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nếu có nhu cầu thì được bố trí nhà ở công vụ trong thời gian thực hiện công vụ.

Điều 8. Điều kiện được thuê nhà ở công vụ

Cán bộ, công chức thuộc các đối tượng quy định tại Điều 7 của Quy định này khi được bố trí thuê nhà ở công vụ phải là người chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình hoặc chưa được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước tại địa phương nơi đến công tác.

Điều 9. Tiêu chuẩn cán bộ được bố trí thuê nhà ở công vụ

Căn cứ vào các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo sẽ được bố trí thuê nhà ở công vụ theo tiêu chuẩn sau:

1. Căn hộ chung cư loại căn hộ 3 phòng ngủ, có diện tích sàn xây dựng từ 100 m² - 115 m² : Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 1,25 trở lên; Trung tướng, Thiếu tướng các lực lượng vũ trang.

2. Căn hộ chung cư loại căn hộ 2 phòng ngủ, có diện tích sàn xây dựng từ 80m² - 90m² tại khu vực đô thị hoặc căn hộ nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn có diện tích tương đương với diện tích căn hộ chung cư loại này: Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25; chuyên viên cao cấp (A3) hoặc chức danh tương đương; Đại tá, Thượng tá, Trung tá các lực lượng vũ trang.

3. Căn hộ chung cư loại căn hộ 2 phòng ngủ, Diện tích sàn xây dựng từ 60 m² - 70m² tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 1 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn: Được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh

đạo từ 0,2 đến dưới 0,7; chuyên viên chính (A2) hoặc chức danh tương đương; Thiếu tá, Đại úy các lực lượng vũ trang.

4. Căn hộ chung cư loại căn hộ 1 phòng ngủ, có diện tích sàn xây dựng từ 45m^2 - 50m^2 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 2 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn: Được bố trí cho các chức danh chuyên viên (A0, A1) hoặc chức danh tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; sĩ quan từ Thiếu úy đến Thượng úy các lực lượng vũ trang, quân nhân chuyên nghiệp hoặc các chức danh tương đương.

5. Căn hộ chung cư loại căn hộ 1 phòng ngủ, có diện tích sàn xây dựng từ 45m^2 - 50m^2 tại khu vực đô thị hoặc căn hộ loại 3 nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn: Được bố trí cho các chức danh công chức loại B, C hoặc các chức danh tương đương.

Điều 10. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ

1. Trường hợp do không có đủ loại nhà ở công vụ để bố trí đúng tiêu chuẩn thì có thể bố trí với diện tích lớn hơn nhưng không được vượt quá 10% tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ. Trong trường hợp này, người thuê chỉ trả tiền thuê nhà ở công vụ theo quy định tại điều 38 của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/09/2006 của Chính phủ mà không phải trả thêm tiền thuê nhà đối với phần diện tích vượt tiêu chuẩn.

2. Trường hợp diện tích nhà được bố trí sử dụng quá 10% tiêu chuẩn nhà ở công vụ phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi bố trí sử dụng. Trong trường hợp này, người thuê nhà trả tiền thuê nhà ở công vụ theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp người thuê nhà ở công vụ thuộc các nhóm chức danh quy định tại Điều 9 của Quy định này mà mang theo gia đình thì được cộng thêm diện tích của từng thành viên trong gia đình (6m^2 sàn/người). Trong trường hợp này, người thuê nhà trả tiền thuê nhà ở công vụ theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhận nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn nhà ở công vụ theo chức danh cao nhất.

5. Trường hợp có đủ loại nhà ở công vụ để bố trí theo tiêu chuẩn quy định nhưng người thuê có nhu cầu sử dụng vượt diện tích so với tiêu chuẩn thì người thuê phải trả thêm tiền thuê nhà được tính bằng giá thuê nhà ở công vụ (quy định tại Điều 36 của Nghị định 90/2006/NĐ-CP ngày 06/09/2006 của Chính phủ) nhân với phần diện tích vượt tiêu chuẩn đó.

6. Đối với nhà ở công vụ đã được bố trí mà diện tích sử dụng vượt tiêu chuẩn thì thực hiện việc điều chuyển cho phù hợp. Khi chưa thực hiện việc điều

chuyên, người thuê không phải trả thêm tiền thuê nhà đối với phần diện tích vượt tiêu chuẩn.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ TRÌNH TỰ THU TỤC CHO THUÊ, THU HỒI NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Theo dõi, quản lý hồ sơ đối với toàn bộ quỹ nhà ở công vụ tại tỉnh Đồng Nai.
2. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị thuê hoặc thu hồi nhà ở công vụ, xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho thuê hoặc thu hồi nhà ở công vụ.
3. Kiểm tra việc quản lý, bàn giao sử dụng, thu hồi nhà ở công vụ của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ và báo cáo, đề xuất hình thức xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các vi phạm (nếu có) của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ và người sử dụng nhà ở công vụ.
4. Quản lý việc sử dụng, bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ theo quy định của Nhà nước.
5. Định kỳ sáu tháng một lần tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở công vụ.
6. Giải quyết khiếu nại của cán bộ công chức liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ

1. Cho thuê đúng đối tượng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, bố trí.
2. Tập hợp và lưu trữ đầy đủ hồ sơ nhà ở công vụ.
3. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự đối với nhà ở công vụ. Các cơ quan chức năng về an ninh trật tự có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của đơn vị quản lý nhà ở công vụ.
4. Ký hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà ở công vụ cho người được thuê; thanh lý hợp đồng.
5. Ban hành Nội quy sử dụng nhà ở công vụ.
6. Thu tiền thuê nhà ở của cán bộ, công chức được bố trí thuê nhà ở công vụ, tiền dịch vụ (phí vệ sinh, giữ xe, thang máy...) hàng tháng. Hướng dẫn người thuê nhà các thủ tục trả tiền sử dụng điện, điện thoại, nước sinh hoạt, các khoản thu phí khác (nếu có) theo quy định.
7. Thực hiện việc bảo trì nhà ở công vụ theo quy định của Luật Nhà ở và

các quy định khác của pháp luật về xây dựng.

8. Báo cáo và tổ chức thực hiện quyết định thu hồi nhà ở công vụ trong các trường hợp sau:

- a) Khi cán bộ, công chức hết tiêu chuẩn được ở nhà công vụ;
- b) Khi cán bộ, công chức nghỉ công tác hoặc chuyển công tác đến địa phương khác;
- c) Khi cán bộ, công chức có nhu cầu trả lại nhà ở công vụ ;
- d) Khi cán bộ, công chức đang thuê nhà ở công vụ bị chết ;
- đ) Khi cán bộ, công chức sử dụng nhà ở công vụ sai mục đích hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người ở nhà ở công vụ sau khi đã được thông báo mà không chấp hành.

9. Xem xét, thống nhất ý kiến với Sở Xây dựng để kiến nghị trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc sắp xếp, bố trí cho cán bộ, công chức sau khi trả lại nhà ở công vụ mà có khó khăn về chỗ ở được thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn.

10. Định kỳ sáu tháng một lần báo cáo cho Sở Xây dựng về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở công vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ

1. Kiểm tra và xác nhận đầy đủ các nội dung trong đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ của cán bộ, công chức. Nếu đủ điều kiện thì gửi đơn đến Sở Xây dựng để giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

2. Thanh toán phần chênh lệch tiền thuê nhà từ nguồn chi phí hoạt động thường xuyên của cơ quan trong trường hợp tiền thuê nhà ở công vụ vượt quá 10% tiền lương và phụ cấp (nếu có) của cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhà ở công vụ, báo cáo kịp thời bằng văn bản cho cơ quan quản lý sử dụng nhà ở công vụ các trường hợp phải thu hồi quy định tại điểm a, b, c, d khoản 8 Điều 13 của Quy định này.

4. Bố trí tạm nhà ở khác cho các đối tượng được thuê nhà ở công vụ do cơ quan mình tiếp nhận trong trường hợp các đối tượng đó chưa bố trí được nhà ở công vụ.

5. Thống nhất ý kiến với Sở Xây dựng để kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí cho cán bộ, công chức được thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội hoặc hỗ trợ bằng hình thức khác trong trường hợp họ phải trả lại nhà ở công vụ mà có khó khăn về nhà ở và có nhu cầu sinh sống tại nơi đang công tác.

6. Trường hợp sau 3 tháng mà cán bộ công chức được thuê nhà ở công vụ

không trả tiền thuê nhà thì cơ quan sử dụng cán bộ, công chức đó có trách nhiệm khấu trừ tiền lương của cán bộ, công chức để trả cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ

1. Sử dụng nhà ở đúng mục đích và có trách nhiệm giữ gìn nhà ở và tài sản gắn liền; không được tự ý cải tạo, sửa chữa nhà ở công vụ.

2. Không được chuyển đổi hoặc cho thuê lại dưới bất kỳ hình thức nào và có nghĩa vụ phải trả lại nhà ở cho cơ quan quản lý khi không còn thuộc đối tượng được ở nhà ở công vụ trong thời hạn ba tháng hoặc khi không còn nhu cầu thuê nhà ở công vụ.

3. Cán bộ, công chức được bố trí nhà ở công vụ phải trả tiền thuê nhà ở hàng tháng theo quy định. Việc chi trả các khoản chi phí phục vụ sinh hoạt khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Được cơ quan sử dụng cán bộ công chức thanh toán bù phần chênh lệch tiền thuê nhà trong trường hợp tiền thuê nhà mỗi tháng cao hơn 10% tiền lương và phụ cấp (nếu có) của cán bộ, công chức.

5. Khi cán bộ, công chức phải trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 61 của Luật Nhà ở mà có khó khăn về nhà ở và có nhu cầu sinh sống tại nơi đang công tác thì được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác thống nhất ý kiến với Sở Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí cho cán bộ, công chức được thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội hoặc hỗ trợ bằng hình thức khác để họ có nhà ở.

6. Được sử dụng nhà ở công vụ để ở cho bản thân và gia đình. Trường hợp cán bộ, công chức thuộc diện được bố trí nhà ở công vụ có nhu cầu mà chưa được thuê nhà ở công vụ thì Sở Xây dựng phối hợp cùng với đơn vị có cán bộ xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí tạm cho họ ở nhà khách nếu có hoặc thuê nhà ở xã hội hoặc nhà ở thương mại trên địa bàn.

7. Thanh lý hợp đồng thuê nhà và bàn giao nhà ở công vụ lại cho cơ quan quản lý nhà trong trường hợp thu hồi nhà ở công vụ.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cho thuê nhà ở công vụ

1. Người thuộc diện được thuê nhà ở công vụ phải kê khai đầy đủ các nội dung trong đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ gửi cho cơ quan nơi đang công tác để lấy ý kiến xác nhận;

2. Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức có trách nhiệm:

- Kiểm tra và xác nhận vào đơn các nội dung: nơi cư trú, thực trạng về chỗ ở, điều kiện về đối tượng (đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được thuê nhà ở công vụ).

- Nếu đủ điều kiện thì gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng.

3. Hồ sơ (lập 02 bộ) bao gồm:

a) Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (theo mẫu);

b) Quyết định bổ nhiệm, điều động công tác (bản sao có công chứng);

c) Văn bản đề nghị bố trí giải quyết nhà ở công vụ của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức.

4. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ quy định tại Quy định này và cân đối với quỹ nhà ở công vụ hiện có, xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ cho từng trường hợp cụ thể nếu đủ điều kiện hoặc thông báo cho Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức và cán bộ, công chức biết nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

5. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cho thuê nhà ở công vụ.

6. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định cho thuê nhà ở công vụ, Sở Xây dựng chuyển hồ sơ cho đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ nơi có nhà cho thuê.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định cho thuê nhà ở công vụ, đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ tiến hành thực hiện các thủ tục ký hợp đồng và bàn giao nhà cho người thuê.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thu hồi nhà ở công vụ

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ hoặc đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ hoặc đơn đề nghị trả lại nhà công vụ, Sở Xây dựng xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi nhà ở công vụ.

2. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi nhà ở công vụ.

3. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định thu hồi nhà ở công vụ, Sở Xây dựng chuyển hồ sơ cho đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ nơi có nhà cho thuê.

4. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định thu hồi nhà ở công vụ, đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ đó phải thông báo cho người đang sử dụng nhà biết và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng thuê nhà, thu hồi nhà.

Thời gian trên không tính thời gian giải quyết tranh chấp, khiếu nại (nếu có).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ hàng năm, Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: quỹ nhà đã sử dụng, quỹ nhà chưa sử dụng, quỹ nhà chuẩn bị đưa vào sử dụng làm nhà ở công vụ (nếu có).

2. Định kỳ sáu tháng, các đơn vị quản lý sử dụng nhà ở công vụ báo cáo Sở Xây dựng về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

3. Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Thủ trưởng các đơn vị quản lý sử dụng nhà công vụ; Thủ trưởng các cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được thuê nhà ở công vụ và người được thuê nhà ở công vụ căn cứ nội dung của Quy định này để tổ chức thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy định, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng nhà ở công vụ vi phạm quy định, động cơ cá nhân hoặc thiếu trách nhiệm gây thất thoát tài sản Nhà nước, chiếm dụng nhà ở công vụ, sử dụng vào mục đích khác hoặc vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./*YML*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái
Đinh Quốc Thái